

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết tính tỉ số phần trăm của hai số và ứng dụng trong giải toán.
- Rèn kĩ năng tính tỉ số phần trăm của hai số.
- Bài tập cần làm: Bài 1, 2

2. Năng lực:

- Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- 2 học sinh tính tỉ số phần trăm của 2 số. a) 8 và 40 b) 9,25 và 25 - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS tính - HS nghe - HS ghi bảng
2. Hoạt động thực hành:(30 phút)	
* Mục tiêu: - Biết tính tỉ số phần trăm của hai số và ứng dụng trong giải toán. - Bài tập cần làm: Bài 1, 2. * Cách tiến hành:	
Bài 1: HĐ cặp đôi - GV viết lên bảng các phép tính - GV yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét HS.	- HS thảo luận. - HS cả lớp làm bài vào vở bài tập. - 2 HS ngồi cạnh nhau đối chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau. $6\% + 15\% = 21\%$ $112,5\% - 13\% = 99,5\%$ $14,2\% \times 3 = 42,6\%$ $60\% : 5 = 12\%$
Bài 2: HĐ Cá nhân - GV gọi HS đọc đề bài toán. - GV hướng dẫn HS trình bày lời giải	- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm trong SGK. - HS ghe

- Yêu cầu HS làm bài - GV nhận xét chữa bài Bài 3(M3,4): HĐ cá nhân - Cho HS đọc bài, tóm tắt bài toán rồi giải.	- HS cả lớp theo dõi - HS cả lớp làm vở, chia sẻ kết quả <i>Bài giải</i> a) Theo kế hoạch cả năm, đến hết tháng 9 thôn Hoà An đã thực hiện được là: $18 : 20 = 0,9$ $0,9 = 90\%$ b) Đến hết năm thôn Hoà An đã thực hiện được kế hoạch là: $23,5 : 20 = 1,175$ $1,175 = 117,5\%$ Thôn Hoà An đã vượt mức kế hoạch là: $117,5\% - 100\% = 17,5\%$ Đáp số: a) Đạt 90%; b) Thực hiện 117,5% và vượt 17,5% - HS đọc bài, tóm tắt bài toán rồi giải, báo cáo giáo viên <i>Bài giải</i> a) Tỉ số phần trăm của tiền bán rau và tiền vốn là: $52500 : 42000 = 1,25$ $1,25 = 125\%$ b) Tỉ số phần trăm của tiền bán rau và tiền vốn là 125% nghĩa là coi tiền vốn là 100% thì tiền bán rau là 125%. Do đó, số phần trăm tiền lãi là: $125\% - 100\% = 25\%$ Đáp số: a) 125% b) 25%
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng làm phép tính sau: $67,5\% + 24\% =$ $21,7\% \times 4 =$ $75,3\% - 48,7\% =$ $98,5\% : 5 =$	- HS nghe và thực hiện. $67,5\% + 24\% = 91,5\%$ $21,7\% \times 4 = 86,8\%$ $75,3\% - 48,7\% = 26,6\%$ $98,5\% : 5 = 19,7\%$
- Về nhà làm bài tập sau: Một cửa hàng nhập về loại xe đạp với giá 450 000 đồng một chiếc. Nếu của hàng đó bán với giá 486 000 đồng một chiếc thì của hàng đó được lãi bao nhiêu phần trăm ?	- HS nghe và thực hiện. <i>Giải</i> Tỉ số % của giá bán so với giá vốn là: $486 : 450 = 1,08 = 108\%$ Cửa hàng đã có lãi số % là: $108 - 100 = 8\%$ Đáp số: 8%

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

Tập đọc

TIẾT 31: THẦY THUỐC NHƯ MẸ HIỀN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu ý nghĩa bài văn : Ca ngợi tài năng, tấm lòng nhân hậu và nhân cách cao thượng của Hải Thượng Lãn Ông (Trả lời được câu hỏi 1,2,3).
- Biết đọc diễn cảm bài văn với giọng đọc nhẹ nhàng , chậm rãi .
- Học tập tài năng, tấm lòng nhân hậu và nhân cách cao thượng của Hải Thượng Lãn Ông.

2. Năng lực:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Yêu thích môn học, giữ gìn sự trong sáng Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (3 phút) - Tổ chức cho học sinh thi đọc thuộc lòng bài thơ <i>Về ngôi nhà đang xây.</i> - Giáo viên nhận xét. - Giới thiệu bài và tựa bài: Thầy thuốc như mẹ hiền.	- Học sinh thực hiện. - Lắng nghe. - Học sinh nhắc lại tên bài và mở sách giáo khoa.
2. HĐ hình thành kiến thức mới: 2.1. Luyện đọc: (12 phút) *Mục tiêu: - Rèn đọc đúng từ khó trong bài : <i>danh lợi, nóng nực, nồng nặc, nổi tiếng...</i> - Rèn đọc đúng câu, từ, đoạn. - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới: <i>Hải Thượng Lãn Ông, danh lợi, bệnh đậu, tái phát, vùi, ngư y...</i> *Cách tiến hành:	
- Cho HS đọc toàn bài. - Cho HS nối tiếp nhau đọc toàn bài trong nhóm - Luyện đọc theo cặp. - HS đọc toàn bài - GV đọc mẫu.	- 1 HS đọc toàn bài, chia đoạn + Đoạn 1: <i>Từ đầu.....thêm gại, củi.</i> + Đoạn 2: <i>Tiếp...càng hối hận.</i> + Đoạn 3: <i>Còn lại</i> - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc + HS đọc nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó. + HS đọc nối tiếp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - 2 HS đọc cho nhau nghe - 1 HS đọc - HS theo dõi.

Lưu ý: Quan sát và theo dõi tốc độ đọc của đối tượng M1	
2.2. HĐ Tìm hiểu bài: (20 phút) *Mục tiêu: Hiểu ý nghĩa : Ca ngợi tài năng, tấm lòng nhân hậu và nhân cách cao thượng của Hải Thượng Lãn Ông (Trả lời được câu hỏi 1,2,3). *Cách tiến hành:	
- Cho HS đọc bài, thảo luận nhóm và TLCH, chia sẻ trước lớp theo câu hỏi: + Hải Thượng Lãn Ông là người như thế nào? + Tìm những chi tiết nói lên lòng nhân ái của Hải thượng Lãn Ông trong việc ông chữa bệnh cho con người thuyền chài? + Điều gì thể hiện lòng nhân ái của Lãn Ông trong việc chữa bệnh cho người phụ nữ? + Vì sao có thể nói Lãn Ông là một con người không màng danh lợi? + Em hiểu nội dung hai câu thơ cuối bài như thế nào?	- Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc bài, thảo luận trả lời câu hỏi: + Hải Thượng Lãn Ông là một thầy thuốc giàu lòng nhân ái, .. + Ông nghe tin con nhà thuyền chài bị bệnh đậu nặng mà nghèo, không có tiền chữa, tự tìm đến thăm. Ông tận tụy + Người phụ nữ chết do tay thầy thuốc khác xong ông tự buộc tội mình về cái chết ấy. Ông rất hối hận + Ông được vời vào cung chữa bệnh, được tiến cử chức ngự y song ông đã khéo léo từ chối. +Hải Thượng Lãn Ông coi công danh trước mắt trôi đi như nước còn tấm lòng nhân nghĩa thì còn mãi.
3. HĐ Luyện đọc lại - Đọc diễn cảm: (8 phút) *Mục tiêu: - Học sinh đọc đúng, ngắt nghỉ đúng chỗ, biết nhấn giọng ở những từ ngữ cần thiết. *Cách tiến hành:	
- Gọi 4 HS đọc nối tiếp bài - Tổ chức HS đọc diễn cảm + Treo bảng phụ ghi đoạn văn cần luyện đọc: <i>Hải Thượng Lãn Ông là một thầy thuốc....thêm gạo củi.</i> + Đọc mẫu + Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp - Tổ chức cho HS thi đọc - GV nhận xét	- HS nghe, tìm cách đọc hay - HS nghe - 2 HS đọc cho nhau nghe - 3 HS thi đọc - HS nghe
4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Bài văn cho em biết điều gì?	- Bài ca ngợi tài năng, tấm lòng nhân hậu và nhân cách cao thượng của Hải Thượng Lãn Ông.
- Sưu tầm những tư liệu về Hải Thượng Lãn Ông.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Chính tả

TIẾT 16: VỀ NGÔI NHÀ ĐANG XÂY (Nghe - viết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức hai khổ đầu của bài thơ: Về ngôi nhà đang xây.
- Làm được bài tập 2a; tìm được những tiếng thích hợp để hoàn chỉnh mẫu chuyện (BT3)
- Rèn kĩ năng phân biệt **r/gi**.
- Giáo dục HS thức viết đúng chính tả, giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

2. Năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, trung thực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (5phút)	
- Cho HS thi viết các từ chỉ khác nhau ở âm đầu ch/tr: Chia lớp thành 2 đội chơi, mỗi đội 6 bạn lần lượt lên viết các từ chỉ khác nhau ở âm đầu ch/tr. Đội nào viết đúng và nhiều hơn thì đội đó thắng. - GV nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài - Ghi đầu bài lên bảng.	- HS chơi trò chơi - HS nghe - Mở sách giáo khoa.
2. HĐ hình thành kiến thức mới:	
2.1. Chuẩn bị viết chính tả. (5 phút)	
*Mục tiêu: - Học sinh có tâm thế tốt để viết bài. - Nắm được nội dung bài văn để viết cho đúng chính tả.	
*Cách tiến hành: HĐ cả lớp	
- HS đọc 2 khổ thơ + Hình ảnh ngôi nhà đang xây cho em thấy điều gì về đất nước ta? <i>Hướng dẫn viết từ khó</i> - Yêu cầu HS tìm các từ khó trong bài. - Yêu cầu HS viết từ khó	- 2 HS đọc bài viết - Khổ thơ là hình ảnh ngôi nhà đang xây dở cho thấy đất nước ta đang trên đà phát triển. - HS nêu: <i>xây dở, giàn giáo, hươ hươ, sấm biếc, còn nguyên..</i> - HS viết từ khó vào giấy nháp
2.2. HĐ viết bài chính tả. (15 phút)	
*Mục tiêu: - Nghe- viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi.	
*Cách tiến hành: HĐ cá nhân	

- GV đọc bài viết lần 2 - GV đọc cho HS viết bài - GV quan sát, uốn nắn cho HS viết chưa đúng chưa đẹp Lưu ý: - Tư thế ngồi: - Cách cầm bút: - Tốc độ:	- HS nghe - HS viết bài
2.3. HĐ chấm và nhận xét bài. (5 phút) *Mục tiêu: - Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và phát hiện lỗi giúp bạn. *Cách tiến hành:	
- Giáo viên đọc lại bài cho học sinh soát lỗi. - Giáo viên chấm nhanh 5 - 7 bài - Nhận xét nhanh về bài làm của học sinh.	- HS soát lại bài, tự phát hiện lỗi và sửa lỗi. - HS nghe
3. HĐ luyện tập, thực hành: (8 phút) *Mục tiêu: Làm đúng bài tập 2a, 3 *Cách tiến hành:	
Bài 2: HĐ Nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Yêu cầu HS làm bài theo nhóm - Gọi đại diện nhóm đọc bài của nhóm - Lớp nhận xét bổ sung - GV nhận xét kết luận các từ đúng	- 2 HS đọc yêu cầu bài tập - HS thảo luận nhóm và làm vào bảng nhóm - Đại diện nhóm trình bày - HS nhận xét - HS nghe
<i>giá rẻ, đắt rẻ, bỏ rẻ, rẻ quạt, rẻ sùnn</i>	<i>rây bột, mưa rây</i>
<i>Hạt dẻ, mảnh dẻ</i>	<i>nhảy dây, chằng dây, dây thừng, dây phơi, dây giày</i>
<i>giẻ rách, giẻ lau, giẻ chùi chân</i>	<i>giây bán, giấy mực</i>
Bài 3: HĐ Cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung của bài tập - Yêu cầu HS tự làm bài - GV nhận xét kết luận bài giải đúng	- HS đọc yêu cầu - Cả lớp làm vào vở, chia sẻ kết quả Đáp án: - Thứ tự các tiếng cần điền: rồi, vẽ, rồi, rồi, vẽ, vẽ, rồi, đi
4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Giáo viên chốt lại những phân chính trong tiết học - Chọn một số vở học sinh viết chữ sạch đẹp không mắc lỗi cho cả lớp xem. - Nhận xét tiết học.	- Lắng nghe - Quan sát, học tập. - Lắng nghe
- Nhắc nhở học sinh mắc lỗi chính tả về nhà viết lại các từ đã viết sai. Xem trước bài chính tả sau.	- Lắng nghe và thực hiện.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

TIẾT 16: HỢP TÁC VỚI NHỮNG NGƯỜI XUNG QUANH (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- HS biết thế nào là hợp tác với những người xung quanh.
- HS nêu được một số biểu hiện về hợp tác với bạn bè trong học tập, làm việc và vui chơi.
- Biết được hợp tác với mọi người trong công việc chung sẽ nâng cao được hiệu quả công việc, tăng niềm vui và tình cảm gắn bó giữa người với người.
- Có kĩ năng hợp tác với bạn bè trong các hoạt động của lớp, của trường.
- Có thái độ mong muốn, sẵn sàng hợp tác với bạn bè, thầy giáo, cô giáo và mọi người trong công việc của lớp, của trường, của gia đình, của cộng đồng.
- Không đồng tình với những thái độ, hành vi thiếu hợp tác với bạn bè trong công việc chung của lớp, của trường.

2. Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3. Phẩm chất: Trung thực trong học tập và cuộc sống. Hợp tác với bạn bè làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS hát - Vì sao cần phải biết tôn trọng phụ nữ? - GV nhận xét. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(27phút) <i>* Mục tiêu:</i> - HS biết thế nào là hợp tác với những người xung quanh. - HS nêu được một số biểu hiện về hợp tác với bạn bè trong học tập, làm việc và vui chơi. - Biết được hợp tác với mọi người trong công việc chung sẽ nâng cao được hiệu quả công việc, tăng niềm vui và tình cảm gắn bó giữa người với người. <i>* Cách tiến hành:</i>	
Hoạt động 1: Tìm hiểu tranh tình huống (trang 25- SGK) - GV y/c HS quan sát 2 tranh ở trang 25 và thảo luận các câu hỏi được nêu ở dưới tranh. - GV kết luận: Các bạn ở tổ 2 đã biết cùng nhau làm công việc chung: người thì giữ cây, người lấp đất, người rào	- HS thảo luận theo nhóm 4. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp; các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

cây,... Để cây được trồng ngay ngắn, thẳng hàng, cần phải biết phối hợp với nhau. Đó là biểu hiện của việc hợp tác với những người xung quanh. + Biết hợp tác với những người xung quanh thì công việc sẽ thế nào? - Cho HS nêu ghi nhớ Hoạt động 2: Làm bài tập 1, SGK. - Y/c HS làm việc cặp đôi, thảo luận trả lời bài tập số 1 SGK. - Y/c đại diện nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của mình. - Gv kết luận: Để hợp tác tốt với những người xung quanh, các em cần phải biết phân công nhiệm vụ cho nhau; bàn bạc công việc với nhau; hỗ trợ, phối hợp với nhau trong công việc chung,...; tránh các hiện tượng việc của ai người nấy biết hoặc để người khác làm còn mình thì chơi. Hoạt động 3: Bày tỏ thái độ (bài tập 2, SGK) - GV lần lượt nêu từng ý kiến trong bài tập 2. - Mời một số HS giải thích lí do. - GV kết luận từng nội dung: a- Tán thành b- Không tán thành c- Không tán thành d- Tán thành	- HS nêu - 3- 4 HS tiếp nối nhau đọc ghi nhớ. - HS làm việc cặp đôi, thảo luận trả lời bài tập số 1 sgk. - Đại diện nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của mình. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS bày tỏ thái độ tán thành hay không tán thành đối với từng ý kiến. - HS giải thích: câu a đúng vì không biết hợp tác với những người xung quanh....
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3phút)	
- Em đã làm gì để hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh ?	- HS nêu
- Hằng ngày thực hiện việc hợp tác với mọi người ở nhà, ở trường, ở khu dân cư,...	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Hướng dẫn học

CỦNG CỐ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- HS đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.
- Rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

2. Năng lực:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Yêu thích môn học, giữ gìn sự trong sáng Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: vở Luyện tập Tiếng Việt: Tiết 1 tuần 16

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
1: HD học sinh hoàn thành bài các môn: - Yêu cầu HS hoàn thành nốt phần bài còn lại của các môn học trong ngày (nếu có) theo giáo án đã soạn.	- HS thực hiện theo yêu cầu
2. Bài tập tăng cường: <i>Bài 1: Đọc hiểu: Chùm hoa đỏ</i> *Đọc đoạn: HS nối tiếp đọc các đoạn của bài (3 lượt) * Yêu cầu luyện đọc nhóm cặp * Đọc diễn cảm: - HS khá đọc bài. YC tìm cách đọc đúng, hay. - GV đọc mẫu. - HS đọc bài theo nhóm cặp. - Thi đọc diễn cảm - Nhận xét tuyên dương. - Phần tiếp theo yêu cầu gì? - Muốn khoanh đúng em dựa vào đâu? - Y/c HS làm bài - Y/c HS thảo luận nhóm đôi (1 p), - Chữa bài miệng. - GV tổ chức cho HS chữa bài: - GV chốt câu trả lời đúng: 1.c, 2.c, 3.c, 4.c,5.c, 6.c, 7 HS trả lời theo ý hiểu * <i>Bài 1,2,3 (tiết 2):</i> - Gọi HS đọc đề bài - Yêu cầu HS tự làm bài - Gọi HS trình bày.	- Hs thực hiện YC - HS luyện đọc nhóm cặp * Luyện đọc diễn cảm - 1 HS khá đọc bài, cả lớp tìm cách đọc hay. - HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm 2. - 3 HS thi đọc - Hs nhận xét và bình chọn - Khoanh vào các ý đúng. - HS trả lời - HS chữa bài miệng. - 2 em ngồi cùng bàn trao đổi - 3 HS nối tiếp nêu - HS làm theo y/c của GV - HS đọc đề bài - Hs làm theo YC - HS trình bày bài làm

- GV nhận xét KL - Cả lớp nhận xét bổ xung. - GV nhận xét	
3. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
+ Chúng ta học được điều gì từ các nhân vật trong truyện? - Giáo viên đánh giá khen trước lớp. - Tổng kết tiết học	- HS trả lời
- Yêu cầu HS về nhà đọc lại bài và chuẩn bị bài sau	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Thứ ba ngày 19 tháng 12 năm 2023

Toán

TIẾT 77: GIẢI BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM (Tiếp theo)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết tìm một số phần trăm của một số .
- Vận dụng được để giải bài toán đơn giản về tìm giá trị một số phần trăm của 1 số.
- Rèn kĩ năng tìm một số phần trăm của một số . Học sinh làm bài 1, 2.

2. Năng lực: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- **Học sinh:** SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS thi nêu cách tìm tỉ số phần trăm của hai số. - GV nhận xét. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> Biết tìm một số phần trăm của một số . <i>*Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hướng dẫn giải bài toán về tỉ số %</i> <i>- Ví dụ:</i> Hướng dẫn tính 52,5% của 800. - GV nêu bài toán ví dụ: Một trường tiểu học có 800 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm 52,5%. Tính số học sinh nữ của trường đó. - Em hiểu câu “Số học sinh nữ chiếm 52,5% số học sinh cả trường” như thế nào? - Cả trường có bao nhiêu học sinh ? - GV ghi lên bảng: 100% : 800 học sinh 1% : ... học sinh? 52,5% : ... học sinh? - Coi số học sinh toàn trường là 100% thì 1% là mấy học sinh? - 52,5 số học sinh toàn trường là bao nhiêu học sinh? - Vậy trường đó có bao nhiêu học sinh nữ? - Thông thường hai bước tính trên ta viết gộp lại như sau:	- HS nghe và tóm tắt lại bài toán. - Hs trả lời - Cả trường có 800 học sinh. - 1% số học sinh toàn trường là: $800 : 100 = 8$ (học sinh) - 52,5% số học sinh toàn trường là: $8 \times 52,5 = 420$ (học sinh) - Trường có 420 học sinh nữ.

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

$800 : 100 \times 52,5 = 420$ (học sinh) Hoặc $800 \times 52,5 : 100 = 420$ (học sinh) - Trong bài toán trên để tính 52,5% của 800 chúng ta đã làm như thế nào ? * <i>Bài toán về tìm một số % của một số</i> - GV nêu bài toán: Lãi suất tiết kiệm là 0,5% một tháng. Một người gửi tiết kiệm 1 000 000 1 tháng. Tính số tiền lãi sau một tháng. - Em hiểu câu “Lãi suất tiết kiệm 0,5% một tháng” như thế nào ? - GV nhận xét câu trả lời của HS sau đó nêu: Lãi suất tiết kiệm là 0,5% một tháng nghĩa là nếu gửi 100 đồng thì sau một tháng được lãi 0,5 đồng. - GV viết lên bảng: - GV yêu cầu HS làm bài - GV chữa bài của HS trên bảng lớp.	- Ta lấy 800 nhân với 52,5 rồi chia cho 100 hoặc lấy 800 chia cho 100 rồi nhân với 52,5. - HS nghe và tóm tắt bài toán. - Một vài HS phát biểu trước lớp. 100 đồng lãi: 0,5 đồng 1000 000 đồng lãi :đồng? - 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.
3. HĐ luyện tập, thực hành: (15 phút) *<i>Mục tiêu:</i> - Vận dụng được để giải bài toán đơn giản về tìm giá trị một số phần trăm của một số. - Học sinh làm bài 1, 2. *<i>Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: Cá nhân - GV gọi HS đọc đề bài toán - GV hướng dẫn + Tìm 75% của 32 HS (là số HS 10 tuổi) + Tìm số HS 11 tuổi. - GV yêu cầu HS làm bài, chia sẻ trước lớp - GV nhận xét, kết luận Bài 2: Cặp đôi - GV gọi HS đọc đề bài toán. - GV hướng dẫn + Tìm 0,5% của 5000000 đồng (là số tiền lãi sau một tháng). + Tính tổng số tiền gửi và tiền lãi - GV yêu cầu HS làm bài theo cặp đôi, sau đó chia sẻ trước lớp. - GV kết luận Bài 3(M3,4): Cá nhân - Cho HS tự làm bài vào vở. - GV quan sát uốn nắn HS.	- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK. - HS nghe - HS làm bài, chia sẻ trước lớp - 1 HS đọc đề bài toán trước lớp - HS nghe - HS làm bài, chia sẻ trước lớp - HS tự làm bài vào vở, báo cáo giáo viên
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Nêu cách tìm 1 số khi biết giá trị một số % của nó?	- HS nêu

Luyện từ và câu
TIẾT 31: TỔNG KẾT VỐN TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được một số từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa với các từ: *nhân hậu, trung thực, dũng cảm, cần cù.* (BT1)
- Tìm được những từ ngữ miêu tả tính cách con người trong bài văn *Cô Chám* (BT2).
- Rèn kĩ năng tìm từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa và tìm từ miêu tả tính cách nhân vật.

2. Năng lực:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- **Học sinh:** SGK, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV		Hoạt động HS	
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)			
- Cho HS thi đọc đoạn văn miêu tả hình dáng của 1 người. - Nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài : ghi bảng		- HS thi đọc - HS nghe - HS ghi vở	
2. Hoạt động thực hành:(30 phút)			
* Mục tiêu:			
- Tìm được một số từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa với các từ: <i>nhân hậu, trung thực, dũng cảm, cần cù.</i>(BT1) -Tìm được những từ ngữ miêu tả tính cách con người trong bài văn <i>Cô Chám</i> (BT2).			
* Cách tiến hành:			
Bài 1: HĐ Nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Chia lớp thành 4 nhóm. Yêu cầu tìm từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa với 1 trong các từ: <i>nhân hậu, trung thực, dũng cảm, cần cù</i> - Yêu cầu 4 nhóm viết lên bảng, đọc các từ nhóm mình vừa tìm được, các nhóm khác nhận xét - GV ghi nhanh vào cột tương ứng - Nhận xét kết luận các từ đúng.		- HS nêu yêu cầu - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận - Đại diện nhóm lên bảng chia sẻ.	
Từ	Đồng nghĩa	Trái nghĩa	
<i>nhân hậu</i>	<i>nhân ái, nhân nghĩa, nhân đức, phúc hậu, thương người..</i>	<i>bất nhân, bất nghĩa, độc ác, tàn nhẫn, tàn bạo, bạo tàn.</i>	

		<i>hung bạo</i>
<i>trung thực</i>	<i>thành thực, thành thật, thật thà, thực thà, thẳng thắn, chân thật</i>	<i>đối trá, gian dối, gian manh, gian xảo, giả dối, lừa dối, lừa đảo, lừa lọc</i>
<i>dũng cảm</i>	<i>anh dũng, mạnh dạn, bạo dạn, dám nghĩ dám làm, gan dạ</i>	<i>hèn nhát, nhút nhát, hèn yếu, bạc nhược, nhu nhược</i>
<i>cần cù</i>	<i>chăm chỉ, chuyên cần, chịu khó, tận tảo, chịu thương chịu khó</i>	<i>lười biếng, lười nhác, đái lãn</i>

Bài 2: HĐ Cặp đôi

- Gọi HS đọc yêu cầu, thảo luận cặp đôi:
- Bài tập có những yêu cầu gì?
- + Cô Chấm có tính cách gì?
- Tổ chức cho HS thi tìm các chi tiết và từ minh họa cho từng tính cách của cô Chấm
- GV nhận xét, kết luận

- HS đọc yêu cầu, thảo luận cặp đôi
- + Bài tập yêu cầu nêu tính cách của cô Chấm, tìm những chi tiết, từ ngữ để minh họa cho nhận xét của mình.
- + Trung thực, thẳng thắn, chăm chỉ, giản dị, giàu tình cảm, dễ xúc động
- HS thi
- Ví dụ:
- *Trung thực, thẳng thắn:*
Đôi mắt Chấm định nhìn ai thì *dám nhìn thẳng*.
- *Nghĩ thế nào, Chấm dám nói thế....*
- *Chăm chỉ:*
- Chấm cần cù và ***lao động*** để sống.
- Chấm *hay làm*, đó là một *nhu cầu* của sự sống, *không làm chân tay nó bút rứt....*
- *Giản dị:*
- Chấm không *đua đòi* may mặc. Mùa hè một áo cánh nâu. Mùa đông hai áo cánh nâu. Chấm *mộc mạc như hòn đất*.
- *Giàu tình cảm, dễ xúc động:*
- Chấm *hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương*. Cảnh ngộ trong phim có khi làm Chấm khóc gần suốt buổi. Đêm ngủ, trong giấc mơ, Chấm *lại khóc hết bao nhiêu nước mắt*.

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)

- + Em có nhận xét gì về cách miêu tả tính cách cô Chấm của nhà văn Đào Vũ ?
- Nhận xét tiết học
- Dặn HS về nhà học bài, đọc kĩ bài văn, học cách miêu tả của nhà văn.

- + Nhà văn không cần nói lên những tính cách của cô Chấm mà chỉ bằng những chi tiết, từ ngữ đã khắc họa rõ nét tính cách của nhân vật.
- HS nghe
- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

Tiết 31: SỰ CHUYỂN THỂ CỦA CHẤT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được ví dụ về một số chất ở thể rắn, thể lỏng và thể khí
- Phân biệt được một số chất ở thể rắn, thể lỏng và thể khí.
- Yêu thích tìm hiểu, khám phá khoa học

2. Năng lực chung: Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

3. Phẩm chất: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(5phút)	
- Nhận xét bài KTĐK - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28phút)	
* Mục tiêu: Nêu được ví dụ về một số chất ở thể rắn, thể lỏng và thể khí	
* Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Ba thể của chất và đặc điểm của chất rắn, chất lỏng, chất khí + Theo em, các chất có thể tồn tại ở những thể nào? - Yêu cầu HS làm phiếu - Yêu cầu HS nhận xét bài của bạn - GV nhận xét, khen ngợi Hoạt động 2: Sự chuyển thể của chất lỏng trong đời sống hàng ngày - Dưới ảnh hưởng của nhiệt, yêu cầu HS quan sát - Gọi HS trình bày ý kiến	+ Các chất có thể tồn tại ở thể lỏng thể rắn, thể khí. - 1 HS lên bảng, lớp làm phiếu a) Cát: thể rắn Cồn: thể lỏng Ôxi: thể khí b) Chất rắn có đặc điểm gì? 1 b. Có hình dạng nhất định + Chất lỏng có đặc điểm gì? 2 c . Không có hình dạng nhất định, có hình dạng của vật chứa nó. + Chất khí có đặc điểm gì? 3c. Không có hình dáng nhất định, có hình dạng của vật chứa nó, không nhìn thấy được - HS nhận xét và đối chiếu bài - 2 HS ngồi cùng trao đổi và trả lời câu hỏi H1: Nước ở thể lỏng đựng trong cốc H2: Nước ở thể rắn ở nhiệt độ thấp H3: Nước bốc hơi chuyển thành thể khí gặp nhiệt độ cao

- GV nhận xét + Trong cuộc sống hàng ngày còn rất nhiều chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác. Nêu ví dụ? - Điều kiện nào để các chất chuyển từ thể này sang thể khác Hoạt động 3: Trò chơi "Ai nhanh, ai đúng" - Tổ chức trò chơi - Chia nhóm - Ghi các chất vào cột phù hợp đánh dấu vào các chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác. - Tại sao bạn lại cho rằng chất đó có thể chuyển từ thể lỏng sang thể rắn - Lấy ví dụ chứng minh	- Mùa đông mỡ ở thể rắn cho vào chảo nóng mỡ chuyển sang thể lỏng. - Nước ở thể lỏng cho vào ngăn đá chuyển thành đá (thể rắn) - Khí ni tơ gặp nhiệt độ lạnh thích hợp chuyển sang khí ni tơ lỏng. - Để chuyển từ thể này sang thể khác khi có điều kiện thích hợp của nhiệt độ - HS chia nhóm - HS hoạt động nhóm và báo cáo kết quả, các nhóm khác bổ sung ý kiến. - Trả lời theo ý gợi ý
3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Nêu một số ví dụ về sự chuyển thể của chất ?	- HS nêu
- Về nhà thực hiện một thí nghiệm đơn giản để thấy sự chuyển thể của nước.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

.....

Lịch sử

TIẾT 31: HẬU PHƯƠNG NHỮNG NĂM SAU CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết hậu phương được mở rộng và xây dựng vững mạnh:
 - + Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đã đề ra những nhiệm vụ nhằm đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.
 - + Nhân dân đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm để chuyển ra mặt trận.
 - + Giáo dục được đẩy mạnh nhằm đào tạo cán bộ phục vụ kháng chiến.
 - + Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu được tổ chức vào tháng 5- 1952 để đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước.
- Nêu một số điểm chính hậu phương sau những năm chiến dịch biên giới.
- Trân trọng, tự hào về truyền thống yêu nước, bất khuất của dân tộc.

2. Năng lực:

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn.

3. Phẩm chất: HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động. Giáo dục tình yêu thương quê hương đất nước. HS yêu thích môn học lịch sử

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS thi trả lời câu hỏi: + Tại sao ta mở chiến dịch biên giới thu- đông 1950? + Nêu ý nghĩa của chiến thắng Biên giới thu- đông? - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS trả lời - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28 phút) * <i>Mục tiêu:</i> Biết hậu phương được mở rộng và xây dựng vững mạnh. * <i>Cách tiến hành:</i>	
Hoạt động 1: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951). - Yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK + Hình chụp cảnh gì? - GV: Đại hội là nơi tập trung trí tuệ của toàn đảng để vạch ra đường lối	- HS quan sát hình 1 + Hình chụp cảnh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2- 1951) - HS lắng nghe.

kháng chiến, nhiệm vụ của toàn dân tộc ta. - GV cho HS tìm hiểu nhiệm vụ cơ bản mà đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của đảng đã đề ra cho cách mạng? - Để thực hiện nhiệm vụ đó cần có các điều kiện gì? Hoạt động 2: Sự lớn mạnh của hậu phương những năm sau chiến dịch biên giới - HS thảo luận nhóm + Sự lớn mạnh của hậu phương những năm sau chiến dịch biên giới trên các mặt: kinh tế, văn hoá, giáo dục, thể hiện như thế nào? + Theo em vì sao hậu phương có thể phát triển vững mạnh như vậy? + Sự phát triển vững mạnh của hậu phương có tác dụng như thế nào đến tiền tuyến? - Gv kết luận : Hậu phương có vai trò vô cùng quan trọng đối với cuộc kháng chiến chống pháp nó làm tăng thêm sức mạnh cho cuộc kháng chiến chống Pháp. Hoạt động 3: Đại hội Anh hùng và Chiến sĩ thi đua lần thứ nhất. - HS thảo luận cặp đôi theo câu hỏi, sau đó chia sẻ trước lớp. + Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc được tổ chức khi nào? + Đại hội nhằm mục đích gì?	+ Nhiệm vụ: đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. - Để thực hiện nhiệm vụ cần: + Phát triển tinh thần yêu nước + Đẩy mạnh thi đua + Chia ruộng đất cho nông dân. - HS thảo luận nhóm và ghi ý kiến vào giấy, chia sẻ trước lớp + Đẩy mạnh sản xuất lương thực thực phẩm + Các trường đại học...đào tạo cán bộ cho kháng chiến... + Xây dựng được xưởng công binh... - Vì Đảng lãnh đạo đúng đắn, phát động phong trào thi đua yêu nước. - Vì nhân dân ta có tinh thần yêu nước - Tiền tuyến được chi viện đầy đủ sức người sức của có sức mạnh chiến đấu cao. - HS chia sẻ + Đại hội... được tổ chức vào ngày 1- 5 - 1952 + Đại hội nhằm tổng kết biểu dương những thành tích của phong trào thi đua yêu nước của các tập thể và cá nhân cho thắng lợi của cuộc kháng chiến.
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Nêu tên một số anh hùng trong cuộc kháng chiến về các lĩnh vực.	- HS nêu
- Tinh thần thi đua của kháng chiến của đồng bào ta được thể hiện qua các mặt nào?	- Thể hiện qua các mặt kinh tế, giáo dục, văn hoá, ...

CỦNG CỐ VỀ GIẢI TOÁN TỈ SỐ PHẦN TRĂM**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cho học sinh về cách viết tỉ số phần trăm, giải toán về tỉ số phần trăm.
- Thực hiện thành thạo các phép tính.

2. Năng lực:

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: vở Luyện tập Toán: Tiết 1 tuần 16

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1: Hướng dẫn HS hoàn thành nốt bài tập buổi sáng(nếu còn) theo GA đã soạn	HS làm theo HD
2: Bài tập tăng cường: * <u>Bài 1:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách thực hiện	- 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu
* <u>Bài 2:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài cho biết gì? - Bài yêu cầu tính gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - GV nhận xét.	- 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời
* <u>Bài 3:</u> - Gọi 1 HS đọc đề bài - Đề bài cho ta biết gì? - Bài yêu cầu tìm gì? - Trước tiên ta phải tìm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài	- 1 em đọc - HS trả lời - HS trả lời - Tìm số tiền lãi 1 cái quạt - HS thực hiện theo yêu cầu - HSTL

- Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. Nêu cách tìm số % - GV nhận xét. * Bài 4: - Gọi HS đọc đề bài - Bài cho ta biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. - 1 em lên bảng làm - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. * Bài 5 - Gọi HS đọc đề bài - Bài cho ta biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài.	- HS nhận xét - 1 vài HS trả lời - HS đọc đề bài - HS trả lời - HSTL - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nêu - HS nhận xét - HS đọc đề bài - HS trả lời - HSTL - HS thực hiện theo yêu cầu
3. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Tiết học này con được củng cố kiến thức gì?	- HS trả lời
- Sưu tầm những bài toán dạng tỉ số phần trăm	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ tư ngày 20 tháng 12 năm 2023

Toán

Tiết 78: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết tìm tỉ số phần trăm của một số và vận dụng trong giải toán.
- Rèn kĩ năng tỉ số phần trăm của một số.
- Học sinh làm bài: 1(a,b); 2; 3.

2. Năng lực:

+ Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS thi: Nêu cách tìm tỉ số phần trăm của hai số. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Biết tìm tỉ số phần trăm của một số và vận dụng trong giải toán. - Học sinh làm bài: 1(a,b); 2; 3. <i>* Cách tiến hành:</i>	
<i>*HD1 : Củng cố dạng toán tìm 1 số phần trăm của 1 số</i> Bài 1(a, b): Cá nhân - Cho HS đọc yêu cầu bài - Yêu cầu HS chia sẻ cách làm, sau đó làm bài vào vở. - GV nhận xét chữa bài - Yêu cầu HS nêu lại cách tìm 1 số phần trăm của một số <i>*HD2: Củng cố giải toán có lời văn liên quan đến tìm một số phần trăm của một số.</i> Bài 2: HD cá nhân	- HS đọc yêu cầu - HS làm bài cá nhân. a/ $320 \times 15 : 100 = 48$ (kg) b/ $235 \times 24 : 100 = 56,4$ (m ²) - HS nêu lại

Giáo viên: Nguyễn Thị Hương

Trường Tiểu học Yên Sở

- Cho HS đọc yêu cầu bài , thảo luận theo câu hỏi: - Bài toán cho biết gì? - Bài yêu cầu tìm gì? - Số gạo nếp chính là gì trong bài toán này? - Muốn tìm 35% của 120 kg ta làm thế nào? - Yêu cầu HS làm bài cá nhân - GV nhận xét kết luận Bài 3:HD cặp đôi - 1 HS đọc đề bài, thảo luận cặp đôi: - Bài toán cho biết gì? Hỏi gì? - Diện tích phần đất làm nhà chính là gì trong bài toán này? - Như vậy muốn tìm diện tích phần đất làm nhà ta cần biết được gì? - Yêu cầu HS làm bài theo nhóm 2. - GV nhận xét chữa bài Bài 4(M3,4): Cá nhân - GV hướng dẫn HS làm sau đó làm bài vào vở.	- 2 em đọc yêu cầu bài tập. Có: 120kg gạo Gạo nếp: 35% - Tìm số gạo nếp? - Số gạo nếp chính là 35% của 120kg - HS nêu - Cả lớp làm vở, chia sẻ kết quả <i>Bài giải</i> <i>Người đó bán được số gạo nếp là</i> $120 \times 35 : 100 = 42 \text{ (kg)}$ <i>Đáp số: 42 kg</i> - HS đọc đề bài - Là 20% diện tích của mảnh đất ban đầu - Biết được diện tích của mảnh đất ban đầu - HS lớp làm vở, đổi vở để kiểm tra chéo - HS làm bài vào vở, báo cáo giáo viên - Tính 1% của 1200 cây rồi tính nhẩm 5% của 1200 cây. - Chẳng hạn: 1% của 1200 cây là: $1200 : 100 = 12 \text{ (cây)}$ Vậy 5% của 1200 cây là: $12 \times 5 = 60 \text{ (cây)}$ - Tương tự như vậy tính được các câu còn lại.
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS nhắc lại các nội dung chính của bài học. Vận dụng tìm 25% của 60	- HS nêu: Tỷ số phần trăm của 54 và 78 là: $60 \times 25 : 100 = 15$
- Về nhà tự nghĩ ra các phép tính để tìm một số phần trăm của 1 số.	- HS nghe và thực hiện.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Kể chuyện

TIẾT 32: KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được một buổi sum họp đầm ấm trong gia đình theo gợi ý của SGK.
- Rèn kĩ năng kể chuyện và nhận xét người kể.

2. Năng lực:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Có ý thức và trách nhiệm với gia đình, yêu quý gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu: (5')	
- Cho HS thi kể lại câu chuyện giờ trước, nêu ý nghĩa câu chuyện. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi kể - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (8') * <i>Mục tiêu:</i> Kể được một buổi sum họp đầm ấm trong gia đình theo gợi ý của SGK. * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Gọi HS đọc đề bài - GV hướng dẫn HS phân tích đề bài. - Đề bài yêu cầu làm gì? - GV dùng phấn màu gạch chân những từ ngữ quan trọng. - Yêu cầu HS đọc gợi ý SGK - Yêu cầu HS giới thiệu câu chuyện mình định kể với bạn, cả lớp - GV kiểm soát nội dung, lĩnh vực câu chuyện mà HS chuẩn bị. - Yêu cầu HS chuẩn bị câu chuyện	- HS đọc đề bài - HS giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể
3. Hoạt động thực hành kể chuyện: (21 phút) * <i>Mục tiêu:</i> Rèn kĩ năng kể chuyện và nhận xét người kể. * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi - Thi kể trước lớp - Cho HS bình chọn người kể hay nhất	- HS kể theo cặp - Thi kể chuyện trước lớp - Bình chọn bạn kể chuyện tự nhiên nhất, bạn có câu hỏi hay nhất, bạn có

- Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện - Nhận xét.	câu chuyện hay nhất. - Trao đổi và nói ý nghĩa câu chuyện mình kể.
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Những buổi sum họp đầm ấm trong gia đình mang lại những lợi ích gì ?	- HS nêu
- Về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Kĩ thuật
TIẾT 16: THỨC ĂN NUÔI GÀ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được tên và biết tác dụng chủ yếu của 1 số thức ăn thường dùng để nuôi gà.
- Biết liên hệ thực tế để nêu tên và tác dụng chủ yếu của 1 số thức ăn được sử dụng nuôi gà ở gia đình hoặc địa phương (nếu có).
- Có ý thức chăm sóc vật nuôi trong gia đình.

2. Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3. Phẩm chất: Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỉ và kiên trì cho học sinh. Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS chơi trò chơi"Truyền điện": Kể tên các loại gà được nuôi ở nước ta. - GV nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS viết
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Nêu được tên và biết tác dụng chủ yếu của 1 số thức ăn thường dùng để nuôi gà. - Biết liên hệ thực tế để nêu tên và tác dụng chủ yếu của 1 số thức ăn được sử dụng nuôi gà ở gia đình hoặc địa phương (nếu có). <i>* Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hoạt động 1: Tìm hiểu tác dụng của thức ăn nuôi gà</i> - GV hướng dẫn học sinh đọc mục 1 trong SGK và trả lời câu hỏi + Động vật cần những yếu tố nào để tồn tại? sinh trưởng và phát triển? + Các chất dinh dưỡng cung cấp cho cơ thể động vật được lấy ở đâu? <i>* Gv giải thích tác dụng của thức ăn theo nội dung SGK.</i> <i>* Gv kết luận:</i> Thức ăn có tác dụng cung cấp năng lượng, duy trì và phát triển cơ thể của gà. Khi nuôi gà cần cung cấp đầy đủ các loại thức ăn thích hợp.	- HS nghe - HS đọc bài và trả lời câu hỏi. + Động vật cần những yếu tố như Nước, không khí, ánh sáng, và các chất dinh dưỡng. + Từ nhiều loại thức ăn khác nhau. - HS nghe GV giải thích.

* Hoạt động 2: Tìm hiểu các loại thức ăn nuôi gà - GV yêu cầu HS kể tên các loại thức ăn nuôi gà mà em biết? - HS trả lời GV ghi tên các loại thức ăn của gà do HS nêu. - Cho HS nhắc lại tên các nhóm thức ăn đó. * Hoạt động 3: Tìm hiểu tác dụng và sử dụng từng loại thức ăn nuôi gà. - GV cho HS đọc nội dung mục 2 trong SGK trả lời câu hỏi: + Thức ăn của Gà được chia làm mấy loại? + Em hãy kể tên các loại thức ăn - GV chỉ định một số HS trả lời - GV nhận xét và tóm tắt. - GV cho HS thảo luận, - Yêu cầu các nhóm trình bày. - GV cho HS khác nhận xét và bổ sung. * GV tóm tắt giải thích minh họa tác dụng, cách sử dụng thức ăn cung cấp chất bột đường. - Gv nhận xét giờ học và thu kết quả thảo luận của các nhóm để trình bày trong tiết 2.	- HS quan sát hình trong SGK và trả lời câu hỏi. + Thóc, ngô, tấm, gạo, khoai, sắn, rau xanh, cà rốt, châu chấu, ốc, tép, bột gạo, vừng, bột khoáng. - HS đọc bài trong SGK và trả lời câu hỏi. * Căn cứ vào thành phần dinh dưỡng của thức ăn người ta chia thức ăn của gà thành 5 nhóm: + Nhóm thức ăn cung cấp chất đường bột + Nhóm thức ăn cung cấp chất đạm. + Nhóm thức ăn cung cấp chất khoáng. + Nhóm thức ăn cung cấp vi - ta - min + Nhóm thức ăn tổng hợp. - HS thảo luận. - HS trình bày và nhận xét. - HS nghe.
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Nhà em cho gà ăn bằng những loại thức ăn nào ?	- HS nêu
- Theo em loại thức ăn nào tốt cho sự phát triển của gà?	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

CỦNG CỐ VỀ GIẢI TOÁN TỈ SỐ PHẦN TRĂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố cho học sinh về cách viết tỉ số phần trăm, giải toán về tỉ số phần trăm.
- Thực hiện thành thạo các phép tính.

2. **Năng lực:** Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. **Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: vở Luyện tập Toán: Tiết 2 tuần 16

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
1: Hoàn thành bài: (Nếu có) 2: Bài tập tăng cường: (Bài 1,2, 3, 4, 5 trang 84, 85 – Cùng em học Toán) * <u>Bài 1:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở 2 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách thực hiện.	HS làm theo HD - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu
* <u>Bài 2:</u> - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở, 2 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu nhận xét về cách làm trên	- 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời
* <u>Bài 3:</u> - Gọi 1 HS đọc đề bài - Bài yêu cầu tìm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét.	- 1 em đọc - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - HS trả lời
* <u>Bài 4:</u> - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì?	- HS đọc đề bài - HS trả lời

- Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài. Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét. * Bài 5: - Gọi HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS tự làm bài. - Chữa bài nhận xét.	- HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét - HS đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - Lắng nghe, ghi nhớ
3. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Tiết học này con được củng cố kiến thức gì?	- HS trả lời
- Yêu cầu HS về nhà đọc lại bài và chuẩn bị bài sau	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ năm ngày 21 tháng 12 năm 2023

Toán

TIẾT 78: GIẢI BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM (Tiếp theo)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Cách tìm một số khi biết giá trị một số phần trăm của nó.
- Vận dụng để giải một số bài toán dạng tìm một số khi biết giá trị một số phần trăm của nó.
- Rèn kĩ năng tìm một số khi biết giá trị một số phần trăm của nó.
- HS làm được bài : 1, 2.

2. Năng lực: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS								
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)									
- Cho HS chơi trò chơi "Nói nhanh, nói đúng" <table border="1"><tr><td>15% của 60</td><td>9</td></tr><tr><td>20% của 45</td><td>7,2</td></tr><tr><td>50% của 32</td><td>30</td></tr><tr><td>30% của 90</td><td>16</td></tr></table> - GV nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	15% của 60	9	20% của 45	7,2	50% của 32	30	30% của 90	16	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
15% của 60	9								
20% của 45	7,2								
50% của 32	30								
30% của 90	16								
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)									
*Mục tiêu: Biết cách tìm một số khi biết giá trị một số phần trăm của nó. *Cách tiến hành:									
* <i>Hướng dẫn tìm một số khi biết một số phần trăm của nó.</i> - Hướng dẫn tìm một số khi biết 52,5% của nó là 420. - GV đọc đề bài toán : Số học sinh nữ của một trường là 420 em và chiếm 52,5% số học sinh toàn trường. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh? - GV hướng dẫn cho HS làm theo các yêu cầu sau: - 52,5% số học sinh toàn trường là bao nhiêu em?	- HS nghe và tóm tắt lại bài toán. - HS làm việc theo GV + Là 420 em								

Viết bảng: $52,5\% : 420 \text{ em}$ - 1% số học sinh toàn trường là bao nhiêu em? - Viết bảng thẳng dòng trên: $1\% : \dots \text{em} ?$ - 100% số học sinh toàn trường là bao nhiêu em? - Viết bảng thẳng dòng trên: $100\% : \dots \text{em} ?$ - Như vậy để tính số học sinh toàn trường khi biết $52,5\%$ số học sinh toàn trường là 420 em ta đã làm như thế nào? - GV nêu: Thông thường để tính số học sinh toàn trường khi biết $52,5\%$ số học sinh đó là 420 em ta viết gọn như sau: $420 : 52,5 \times 100 = 800 \text{ (em)}$ hoặc $420 \times 100 : 52,5 = 800 \text{ (em)}$ - HS nêu lại <i>*Bài toán về tỉ số phần trăm</i> - GV nêu bài toán trước lớp: Năm vừa rồi qua một nhà máy chế tạo được 1590 ô tô. Tính ra nhà máy đã đạt 120% kế hoạch. Hỏi theo kế hoạch nhà máy dự tính sản xuất bao nhiêu ô tô? - Em hiểu 120% kế hoạch trong bài toán trên là gì? - GV yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét bài làm của HS, sau đó hỏi: Em hãy nêu cách tính một số khi biết 120% của nó là 1590.	+ HS tính và nêu: 1% số học sinh toàn trường là: $420 : 52,5 = 8 \text{ (em)}$ + 100% số học sinh toàn trường là: $8 \times 100 = 800 \text{ (em)}$ - Ta lấy $420 : 52,5$ để tìm 1% số học sinh toàn trường, sau đó lấy kết quả nhân với 100. - HS nghe sau đó nêu nhận xét. - Ta lấy 420 chia cho 52,5 rồi nhân với 100 hoặc lấy 420 nhân với 100 rồi chia cho 52,5. - HS nghe và tóm tắt bài toán. - Coi kế hoạch là 100% thì phần trăm số ô tô sản xuất được là 120%. - 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở <i>Bài giải</i> Số ô tô nhà máy phải sản xuất theo kế hoạch là: $1590 \times 100 : 120 = 1325 \text{ (ô tô)}$ <i>Đáp số : 1325 ô tô</i> - Muốn tìm một số biết 120% của nó là 1590 ta có thể lấy 1590 nhân với 100 rồi chia cho 120 hoặc lấy 1590 chia cho 120 rồi nhân với 100.
3. HĐ luyện tập, thực hành: (15 phút) <i>*Mục tiêu:</i> - Vận dụng để giải một số bài toán dạng tìm một số khi biết giá trị một số phần trăm của nó. - HS làm bài : 1, 2. <i>*Cách tiến hành:</i>	

Bài 1: Cá nhân - GV gọi 1 HS đọc đề bài toán. - GV yêu cầu HS tự làm bài. - GV nhận xét, kết luận Bài 2: Cá nhân - GV gọi 1 HS đọc đề bài toán. - GV yêu cầu HS tự làm bài. - GV nhận xét, kết luận Bài 3(M3,4): Cá nhân - Cho HS tự làm bài vào vở.	- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK. - HS cả lớp làm bài vào vở, chia sẻ trước lớp <i>Bài giải:</i> <i>Số học sinh Trường Vạn Thịnh là</i> $552 \times 100 : 92 = 600$ (học sinh) <i>Đáp số 600 học sinh</i> - 1 HS đọc đề bài - HS cả lớp làm bài vào vở, chia sẻ trước lớp <i>Bài giải</i> <i>Tổng số sản phẩm của xưởng may là:</i> $732 \times 100 : 91,5 = 800$ (sản phẩm) <i>Đáp số: 800 sản phẩm.</i> - HS làm bài vào vở, báo cáo giáo viên $10\% = 1/10$ $25\% = 1/4$ Nhẩm: a) $5 \times 10 = 50$(tấn) b) $5 \times 4 = 20$(tấn)
4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng để làm bài: <i>Biết rằng 25% số gạo trong kho là 485kg. Tính số gạo trong kho.</i>	- HS làm bài <i>Bài làm</i> <i>Số gạo trong kho là:</i> $485 \times 100 : 25 = 1940$(kg) <i>Đáp số: 1980kg gạo</i>
- Về nhà tự lập các bài toán có dạng tìm một số khi biết một số phần trăm của số đó.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Tập đọc

TIẾT 32: THẦY CÚNG ĐI BỆNH VIỆN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Phê phán cách chữa bệnh bằng cúng bái, khuyên mọi người chữa bệnh phải đi bệnh viện(trả lời được các câu hỏi trong SGK).
- Biết đọc diễn cảm bài văn.

2. Năng lực: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS có ý thức tự giác trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. HĐ mở đầu: (3 phút) - Tổ chức cho học sinh thi đọc và trả lời câu hỏi bài: <i>Thầy thuốc như mẹ hiền.</i> - Giáo viên nhận xét. - Giới thiệu bài và tựa bài: <i>Thầy cúng đi bệnh viện.</i>	- Học sinh thực hiện. - Lắng nghe. - Học sinh nhắc lại tên bài và mở sách giáo khoa.
2. HĐ hình thành kiến thức mới: 2.1. Luyện đọc: (12 phút) *Mục tiêu: - Rèn đọc đúng từ khó trong bài. - Rèn đọc đúng câu, từ, đoạn. - Hiểu nghĩa các từ ngữ mới. *Cách tiến hành: HĐ cả lớp - Gọi 1 HS đọc tốt đọc bài một lượt. - Cho HS đọc nối tiếp từng đoạn văn trong nhóm. - GV sửa phát âm, giọng đọc, ngắt nghỉ cho HS. - GV giúp HS hiểu nghĩa các từ trong bài. - Đọc theo cặp - Gọi 1 HS đọc toàn bài - GV đọc diễn cảm bài văn Lưu ý: Quan sát và theo dõi tốc độ đọc của đối tượng M1	- Cả lớp đọc thầm theo bạn, chia đoạn: + Đ1: <i>Cụ Úncúng bái.</i> + Đ2: <i>Vậy mà..... thuyên giảm.</i> + Đ3: <i>Thấy cha....không lui.</i> + Đ4: <i>Sáng.....đi bệnh viện.</i> - Nhóm trưởng điều khiển + HS đọc nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó. + HS đọc nối tiếp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ - HS đọc theo cặp. - 1 HS đọc toàn bài. - HS nghe
2.2. HĐ Tìm hiểu bài: (8 phút) *Mục tiêu: Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Phê phán cách chữa bệnh bằng cúng bái,	

khuyên mọi người chữa bệnh phải đi bệnh viện(trả lời được các câu hỏi trong SGK). *Cách tiến hành:	
- Cho HS đọc câu hỏi trong SGK, thảo luận và TLCH: + Cụ Ún làm nghề gì ? + Tìm những chi tiết cho thấy cụ Ún được mọi người tin tưởng về nghề thầy cúng? + Khi mắc bệnh cụ tự chữa bằng cách nào? Kết quả ra sao ? + Cụ Ún bị bệnh gì? + Vì sao bị sỏi thận mà cụ không chịu mổ, trốn viện về nhà? + Nhờ đâu cụ Ún khỏi bệnh? + Câu nói cuối bài giúp em hiểu cụ Ún đã thay đổi cách nghĩ như thế nào? + Nội dung chính của bài là gì ? + Câu chuyện giúp chúng ta hiểu điều gì?	- Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận và TLCH sau đó chia sẻ trước lớp: + Cụ Ún làm nghề thầy cúng. + Khấp làng xa bản gần, nhà nào có người ốm cũng nhờ đến cụ cúng.... + Cụ chữa bằng cách cúng bái nhưng bệnh vẫn không thuyên giảm. + Cụ bị sỏi thận. + Vì cụ sợ mổ, cụ không tin bác sĩ người kinh bắt được con ma người Thái. + Nhờ bệnh viện mổ lấy sỏi thận cho cụ. + Thầy cúng không chữa khỏi bệnh cho con người. Chỉ có thầy thuốc mới làm được việc đó. - Nội dung: Phê phán cách chữa bệnh bằng cúng bái, khuyên mọi người chữa bệnh phải đi bệnh viện. - K nên mê tín, tin vào những điều phi lí.
3. HĐ Luyện đọc lại - Đọc diễn cảm: (8 phút) *Mục tiêu: - Học sinh đọc đúng, ngắt nghỉ đúng chỗ, biết nhấn giọng ở những từ ngữ cần thiết. *Cách tiến hành:	
- Cho HS đọc nối tiếp 4 đoạn của bài. - GV nhận xét, chốt cách đọc. - GV HD HS đọc diễn cảm đoạn 3+4. - Thi đọc diễn cảm đoạn văn trước lớp. - GV cùng HS nhận xét bình chọn HS đọc hay nhất. Lưu ý: - Đọc đúng: M1, M2 - Đọc hay: M3, M4	- HS theo dõi và nêu cách đọc. - Đọc theo cặp - Thi đọc diễn cảm
4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Thi đua: Ai hay hơn? Ai diễn cảm hơn? - Mỗi dãy cử một bạn đọc diễn cảm một đoạn mà mình thích nhất? - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.	- Học sinh lần lượt đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn văn. - 3 học sinh thi đọc diễn cảm. - Cả lớp nhận xét – chọn giọng đọc hay nhất.
- Hiện nay ở địa phương em còn hiện tượng chữa bệnh bằng cúng bái nữa không? Nếu có em cần phải làm gì để mọi người từ bỏ hủ tục lạc hậu đó?	- HS nghe và thực hiện

Tập làm văn
TIẾT 31: TẢ NGƯỜI (Kiểm tra viết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- HS viết được một bài văn tả người hoàn chỉnh, thể hiện được sự quan sát chân thực, diễn đạt trôi chảy.
- Viết được một bài văn tả người hoàn chỉnh.
- Xây dựng những đề bài mở tạo cơ hội cho học sinh sáng tạo, bộc lộ ý kiến, thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, tình cảm của mình đồng thời thể hiện cách nghĩ, cách cảm, cách diễn đạt.

2. Năng lực:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng tâm hồn, cảm xúc, thẩm mĩ cho HS.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)	
- Cho HS hát - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS thực hiện - HS mở vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) * <i>Mục tiêu:</i> HS viết được một bài văn tả người hoàn chỉnh, thể hiện được sự quan sát chân thực, diễn đạt trôi chảy. * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Gọi HS đọc 4 đề văn kiểm tra trên bảng. - Nhắc HS: các em đã quan sát ngoại hình, hoạt động của nhân vật, lập dàn ý chi tiết, viết đoạn văn miêu tả hình dáng, hoạt động của người mà em quen biết, từ kĩ năng đó em hãy viết thành bài văn tả người hoàn chỉnh - HS viết bài - Thu chấm - Nêu nhận xét chung	- HS đọc 4 đề kiểm tra trên bảng - HS nghe - HS viết bài - HS thu bài - HS nghe

3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(4 phút)	
- Nhận xét chung về ý thức làm bài của HS.	- HS nghe
- Về nhà viết lại bài văn cho hay hơn.	- HS nghe và thực hiện.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Khoa học
TIẾT 32: HỖN HỢP
CHUYÊN ĐỀ STEM – TỔ 5

Lớp: 5		Thời lượng: 1 tiết	
Thời điểm tổ chức: Khi dạy nội dung bài: “Hỗn hợp” (môn Khoa học lớp 5)			
Mô tả bài học: * Nội dung môn Khoa học có yêu cầu cần đạt như sau: - Biết thế nào là hỗn hợp. - Phối hợp được một số kĩ năng cân đo, đong đếm trong thực hành sáng tạo sản phẩm. Để đạt được các yêu cầu này, trong bài học STEM “hỗn hợp gia vị”, học sinh sẽ làm được sản phẩm để sử dụng cho việc làm các loại gia vị tẩm ướp và chấm trong ăn uống và nấu nướng.			
Nội dung chủ đạo và tích hợp trong bài học:			
	Môn học	Yêu cầu cần đạt	
Môn học chủ đạo	Khoa học	- Học sinh sử dụng sơ đồ đã cho ghi chú được tên các nguyên liệu làm hỗn hợp. - Thực hành làm được “hỗn hợp gia vị” - Sử dụng sơ đồ đã cho ghi lần lượt các bước làm để tạo ra sản phẩm hỗn hợp gia vị. - Trình bày được đặc điểm của từng chất riêng tạo ra hỗn hợp.	
	Toán	- HS cân đo, đong đếm để tạo ra sản phẩm. - Biết tính số lượng các chất trong sản phẩm.	
Môn học tích hợp	Kĩ thuật	- Phối hợp được một số kĩ năng nêm nếm và trình bày trong thực hành sáng tạo sản phẩm. - Thể hiện được sự khéo léo, cẩn thận của bản thân qua sản phẩm.	
	Mĩ thuật	- Phác thảo được các bước làm ra sản phẩm, thực hiện được quy trình tạo sản phẩm. - Trang trí sản phẩm đẹp, bắt mắt.	

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh sử dụng sơ đồ đã cho ghi chú được tên các nguyên liệu làm hỗn hợp.
- Sử dụng sơ đồ đã cho ghi lần lượt các bước làm để tạo ra sản phẩm hỗn hợp gia vị.
- Thực hành cân đo, đong đếm, trộn để ra sản phẩm hỗn hợp gia vị
- Hợp tác được các thành viên trong nhóm cùng hoàn thành nhiệm vụ.
- Trưng bày và chia sẻ cảm nhận ý nghĩa sử dụng sản phẩm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Chuẩn bị của Giáo viên

- Các phiếu học tập và phiếu đánh giá.
- Các video, hình ảnh hướng dẫn học sinh ...

- Mô hình sản phẩm minh họa.
- Nguyên vật liệu giáo viên cung cấp các nhóm học sinh:

STT	Thiết bị/ Học liệu	Số lượng	Hình ảnh minh họa
1	Hộp nhựa	4 hộp	
2	Bát, thìa	4 bộ	
3	Gia vị	8 loại	
4	Sản phẩm mẫu	3 loại	

2. Chuẩn bị của học sinh

Giao cho mỗi nhóm tự chuẩn bị một số nguyên vật liệu như sau:

STT	Thiết bị/ Học liệu	Số lượng	Hình ảnh minh họa
1	Hộp	1 hộp/nhóm	
2	Bát, thìa	1 bộ/ nhóm	
3	Gia vị	5 loại/nhóm	

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động 1. Mở đầu (Xác định vấn đề)

a) Khởi động

- Cả lớp nghe hát bài “Những món ăn”
- ? Trong bài hát nhắc đến món gì?

? Con có biết các món ăn đó làm từ những nguyên liệu nào không?

? Em đã từng giúp mẹ nấu ăn bao giờ chưa? Khi làm cùng mẹ em cảm thấy thế nào?

-GV chốt, dẫn dắt vào bài học.

b) Giao nhiệm vụ.

Để làm được món ăn ngon và giúp ăn uống ngon miệng cùng ta cùng nhau làm hỗn hợp gia vị.

- GV cho HS quan sát sản phẩm đã được làm.

- **GV đưa ra tiêu chí sản phẩm** (Chiếu lên cho HS đọc).

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (Nghiên cứu kiến thức nền)

a. Tình huống xuất phát và nêu vấn đề:

H: Theo em, muối, mì chính, tiêu có vị như thế nào?

- Vậy khi ăn khế, ổi, dưa các em thường chấm với chất gì?

- GV: Chất các em vừa nêu gọi là hỗn hợp

- Em biết gì về hỗn hợp?

b. Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS

- GV yêu cầu HS ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học về hỗn hợp, sau đó thảo luận nhóm 4 để thống nhất ý kiến ghi vào bảng nhóm.

- GV yêu cầu HS ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học về hỗn hợp, sau đó thảo luận nhóm 4 để thống nhất ý kiến ghi vào bảng nhóm.

- GV yêu cầu HS trình bày quan điểm của các em về vấn đề trên.

c. Đề xuất câu hỏi (dự đoán/ giả thiết) và phương án tìm tòi.

- Từ những ý kiến ban đầu của HS do nhóm đề xuất, GV tập hợp thành các nhóm biểu tượng ban đầu rồi hướng dẫn HS so sánh sự giống và khác nhau của các ý kiến ban đầu.

- Tổ chức cho HS đề xuất các câu hỏi liên quan đến nội dung kiến thức tìm hiểu về hỗn hợp, cách tạo ra hỗn hợp và đặc điểm của hỗn hợp.

- GV tổng hợp, chỉnh sửa và nhóm các câu hỏi phù hợp với nội dung tìm hiểu về hỗn hợp và đặc điểm của nó và ghi lên bảng.

+Hỗn hợp là gì?

+Làm thế nào tạo ra hỗn hợp?

+Hỗn hợp có đặc điểm gì?

- GV tổ chức cho HS thảo luận, đề xuất phương án tìm tòi để trả lời các câu hỏi trên.

d. Thực hiện phương án tìm tòi:

- GV yêu cầu HS viết câu hỏi dự đoán vào vở Ghi chép khoa học trước khi làm thí nghiệm nghiên cứu.

- GV gợi ý để các em làm thí nghiệm:

* Để trả lời 3 câu hỏi trên, HS làm thí nghiệm trộn muối, tiêu(xay nhỏ) và mì chính(vị tinh) lại với nhau. Các nhóm có thể sử dụng các chất khác nhau để trộn(muối với ớt).

*Lưu ý: Trước, trong và sau khi làm thí nghiệm, GV yêu cầu HS điền các thông tin vào trong mẫu báo cáo sau.

Tên và đặc điểm của từng chất tạo ra hỗn hợp	Tên hỗn hợp và đặc điểm của hỗn hợp
Muối tinh:	
Mì chính	
Ớt	

e. Kết luận, kiến thức:

- Yêu cầu HS dựa vào mẫu báo cáo trong khi làm thí nghiệm để hoàn thành 2 cột còn lại trong vở ghi chép khoa học sau khi làm thí nghiệm.
- Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả sau khi làm thí nghiệm.
- GV hướng dẫn HS so sánh kết quả thí nghiệm với các suy nghĩ ban đầu của mình ở bước 2 để khắc sâu kiến thức.

*Tổ chức cho HS trả lời câu hỏi trước lớp

- Không khí là một chất hay một hỗn hợp?
- Kể tên một số hỗn hợp?

3. Hoạt động 3: Luyện tập vận dụng

a) Đề xuất và lựa chọn giải pháp

- GV nhắc lại tiêu chí sản phẩm

- Học sinh thực hiện vào **Phiếu học tập số 2**
- Khám phá mô hình và đưa ra trả lời cho các câu hỏi sau: (Mô hình mẫu)

PHIẾU HỌC TẬP

Giáo viên	Học sinh
Sản phẩm chọn là có tên gọi là gì?	
Sản phẩm của nhóm có mấy nguyên liệu gì?	
Nêu tên và đặc điểm của các nguyên liệu?	
Ngoài những nguyên liệu đó, theo em sản phẩm này có thể làm từ những nguyên liệu nào khác nữa?	
Ngoài hỗn hợp này chúng ta còn có thể làm hỗn hợp nào khác?	

* Tìm cách thực hiện:

Giáo viên yêu cầu nhóm học sinh mô tả dự kiến hỗn hợp mình sẽ thực hiện vào **Phiếu học tập số 3**

PHIẾU HỌC TẬP

Câu hỏi gợi ý	Hỗn hợp gia vị
Làm hỗn hợp gia vị em sẽ chọn nguyên liệu nào?	
Nguyên liệu của em cần lựa chọn như thế nào?	
Khi làm hỗn hợp gia vị em cần chú ý điều gì?	

- Cho HS phác thảo các bước làm theo nhóm.
- Yêu cầu học sinh đặt các nguyên liệu và dụng cụ đã chuẩn bị lên bàn.
- Yêu cầu HS thực hành làm sản phẩm

b) Chế tạo mẫu, thử nghiệm và đánh giá

- Cho HS xem quy trình làm sản phẩm
- GV giao đồ dùng cho HS
- Học sinh thực hành làm hỗn hợp theo nhóm. GV quan sát hỗ trợ, ghi nhận thái độ làm việc của các nhóm.
- HS tự chọn nguyên liệu có sẵn (do GV cung cấp và HS tự chuẩn bị) để cân, đo, đong, đếm,.. hoàn thành sản phẩm và trang trí.

c) Chia sẻ, thảo luận và điều chỉnh

- GV cho HS xem lại quy trình
- Các nhóm HS trình bày sản phẩm + nhận xét
- GV hỏi xem HS có gặp khó khăn gì không
- GV phát cho mỗi nhóm một phiếu đánh giá sp, HS tự đánh giá.
- Giáo viên nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

* Phụ lục

1. Phiếu đánh giá sản phẩm

TT	Tiêu chí	Mức độ		
		Tốt	Đạt	Chưa đạt
1	Hỗn hợp có tính hiệu quả cao			
2	Sử dụng nguyên liệu phù hợp và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.			
3	Được trang trí đẹp			
4	Vệ sinh sạch sẽ sau khi hoàn thành sản phẩm			

2. Phiếu đánh giá làm việc nhóm

TT	Tiêu chí	Mức độ		
		Tốt	Đạt	Chưa đạt
1	Phân công nhiệm vụ các thành viên cụ thể phải hợp lí			
2	Các thành viên trong nhóm hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ chung			
3	Tôn trọng, lắng nghe ý kiến của người khác			
4	Nhóm làm sản phẩm đạt yêu cầu đúng thời gian			

3. Sản phẩm HS

- GV tổng kết nội dung bài, liên hệ mở rộng

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

Địa lí
TIẾT 16: ÔN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết một số đặc điểm về dân cư, các ngành kinh tế ở nước ta ở mức độ đơn giản.
- Biết một số đặc điểm về địa lí tự nhiên Việt Nam ở mức độ đơn giản: đặc điểm chính của các yếu tố tự nhiên như địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng.
- Nêu tên và chỉ được vị trí một số dãy núi, đồng bằng, sông lớn, các đảo, quần đảo của nước ta trên bản đồ.
- Chỉ trên bản đồ một số thành phố, trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn của nước ta.

2. Năng lực:

- + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn.

3. Phẩm chất: Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước qua việc nắm rõ đặc điểm địa lý Việt Nam. GD bảo vệ môi trường : HS nắm được đặc điểm về môi trường tài nguyên và khai thác tài nguyên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện" nêu nhanh các sản phẩm xuất khẩu của nước ta. - GV nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài, ghi bảng	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi bảng
2. Hoạt động thực hành:(27 phút)	
* Mục tiêu: - Biết một số đặc điểm về dân cư, các ngành kinh tế ở nước ta ở mức độ đơn giản. - Biết một số đặc điểm về địa lí tự nhiên Việt Nam ở mức độ đơn giản: đặc điểm chính của các yếu tố tự nhiên như địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng. - Nêu tên và chỉ được vị trí một số dãy núi, đồng bằng, sông lớn, các đảo, quần đảo của nước ta trên bản đồ.	
* Cách tiến hành:	
*Hoạt động 1: Bài tập tổng hợp - GV chia HS thành các nhóm yêu cầu các em thảo luận để hoàn thành phiếu học tập sau: - GV theo dõi giúp đỡ. - GV mời HS báo cáo kết quả làm bài	- HS làm việc theo nhóm thảo luận, xem lại các lược đồ từ bài 8 - 15 để hoàn thành phiếu. - 2 nhóm HS cử đại diện báo cáo kết

trước lớp. - GV nhận xét, sửa chữa câu trả lời cho HS. - GV yêu cầu HS giải thích vì sao các ý a, e trong bài tập 2 là sai. *Hoạt động 2: Trò chơi: ô chữ kì diệu - GV chuẩn bị: Bản đồ hành chính; các thẻ từ ghi tên các tỉnh. - Tổ chức chơi + Chọn 2 đội chơi, mỗi đội có 5 HS, phát cho mỗi đội 1 lá cờ (hoặc thẻ). + GV lần lượt đọc từng câu hỏi về một tỉnh, HS hai đội giành quyền trả lời bằng phát cờ hoặc giơ thẻ. + Đội trả lời đúng được nhận ô chữ ghi tên tỉnh đó và gắn lên lược đồ của mình + Trò chơi kết thúc khi GV nêu hết các câu hỏi - GV tuyên dương đội chơi tốt.	quả của nhóm mình trước lớp, mỗi nhóm báo cáo về 1 câu hỏi, cả lớp theo dõi và nhận xét. - HS lần lượt nêu trước lớp: a) Câu này sai vì dân cư nước ta tập trung đông ở đồng bằng và ven biển, thưa thớt ở vùng núi và cao nguyên. e) sai vì đường ô tô mới là đường có khối lượng vận chuyển hàng hoá, hành khách lớn nhất nước ta và có thể đi trên mọi địa hình, ngóc ngách để nhận và trả hàng. Đường ô tô giữ vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển ở nước ta. - HS nghe - HS 2 đội chơi
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3phút)	
- Em hãy nêu tên một số đảo, quần đảo của nước ta ?	- HS nêu: Hoàng Sa, Trường Sa, Thổ Chu, Cát Bà,...
- Chúng ta cần phải làm gì để giữ gìn, bảo vệ biển đảo quê hương ?	- HS nêu

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

CỦNG CỐ VỀ GIẢI TOÁN TỈ SỐ PHẦN TRĂM**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Biết tính tỉ số phần trăm của hai số và ứng dụng trong giải toán.
- Rèn kĩ năng tính tỉ số phần trăm của hai số.

2. Năng lực: Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet
- Học sinh: vở Luyện tập Toán: Tiết 3 tuần 16

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
1: Hoàn thành bài tập (nếu có) 2: Bài tập tăng cường: * Bài 1: - Gọi HS đọc đề bài - YC HS tự làm bài, 1 HS lên bảng. - Gọi HS trình bày cách thực hiện. - Gọi hs nhận xét bài làm * Bài 2: - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài cho biết gì? - Đề bài yêu cầu gì? - Yêu cầu 1 HS lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - Nêu cách tìm tỉ số phần trăm * Bài 3: - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu gì? - YC HS làm bài. - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng - GV nhận xét - Nêu cách làm. * Bài 4: - Gọi 1 HS đọc đề bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu tìm gì?? - Yêu cầu HS tự làm bài, 1 em lên bảng làm bài - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng. - GV nhận xét.	HS làm theo HD - HS đọc đề bài - HS làm theo YC - Vài HS trình bày - HS nhận xét - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - 1 HS nêu - 1 em đọc đề bài - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo y/c của GV - HS nêu n/x - HS trả lời - 1 vài hs nêu. - 1 em đọc - HS trả lời - HS trả lời - HS thực hiện theo yêu cầu - HS nhận xét
Bài 5:	

- Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu gì? - Y/c HS đọc yêu cầu bài - Đề bài cho biết gì? - Bài yêu cầu gì?	- 1 em đọc - HS trả lời - HS trả lời - HS trả lời
3. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)	
- Nêu cách tìm tỉ số phần trăm	
- Yêu cầu HS về nhà đọc lại bài và chuẩn bị bài sau	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 22 tháng 12 năm 2023
Tập làm văn
TIẾT 32: LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI
(Thay cho bài Làm biên bản một vụ việc)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Lập được dàn ý cho bài văn tả người bạn trong lớp em được nhiều người quý mến.

- Viết được đoạn văn miêu tả người bạn trong phần thân bài từ dàn bài vừa lập, thể hiện được sự quan sát chân thực, lời văn tự nhiên, chân thật, biết cách dùng các từ ngữ miêu tả hình ảnh so sánh khắc họa rõ nét người mình định tả, thể hiện tình cảm của mình đối với người đó. Diễn đạt tốt, mạch lạc.

2. Năng lực:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất: Giáo dục tình cảm yêu quý bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)	
- Nêu cấu tạo của một bài văn tả người. - GV nhận xét đánh giá - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> Lập được dàn ý cho bài văn tả người bạn trong lớp em được nhiều người quý mến. <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài 1: HĐ Cả lớp - Gọi HS đọc yêu cầu bài - Đề bài yêu cầu làm gì? - Người thân trong gia đình em gồm những ai? - Em sẽ tả về ai? - Dàn ý của một bài văn tả người gồm mấy phần? Nội dung mỗi phần nói gì?	- Lập dàn ý cho một bài văn tả 1 người thân trong gia đình. - HS nêu - HS tiếp nối nhau nêu - HS tiếp nối nhau nêu - 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài <i>Mở bài</i> - Giới thiệu người định tả <i>Thân bài</i> - Tả bao quát về hình dáng : - Tả hoạt động của người đó <i>Kết bài</i> - Nêu cảm nghĩ

- Yêu cầu HS tự làm bài - Gọi HS đọc dàn bài của mình. - GV nhận xét, chỉnh sửa Bài 2: HD Cả lớp - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Đoạn viết nằm trong phần nào? - Yêu cầu HS nêu mình sẽ viết đoạn nào - Yêu cầu HS làm bài - Gọi HS đọc bài của mình - GV nhận xét	- HS tự lập dàn bài - HS đọc bài của mình - Viết 1 đoạn văn tả hình dáng hoặc hoạt động của người đó. - Thân bài - HS nối tiếp nêu - HS làm bài, 1 HS làm bảng nhóm - HS đọc bài viết của mình
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Nhận xét giờ học - Dặn HS về nhà hoàn thành đoạn văn và ôn tập để chuẩn bị kiểm tra CKI.	- HS nghe
- Về nhà viết đoạn mở bài bài văn trên theo kiểu gián tiếp.	- HS nghe và thực hiện.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....

TIẾT 79: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết làm 3 dạng bài toán cơ bản về tỉ số phần trăm:
- Tính tỉ số phần trăm của hai số.
- Tìm giá trị một số phần trăm của một số.
- Tìm một số khi biết giá trị một số phần trăm của số đó.
- HS làm bài: 1b; 2b; 3a.

2. Năng lực:

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho HS thi nêu: <i>Muốn tìm một số khi biết giá trị một số phần trăm của số đó ta làm thế nào?</i> - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) * <i>Mục tiêu:</i> Biết làm 3 dạng bài toán cơ bản về tỉ số phần trăm: - Tính tỉ số phần trăm của hai số. - Tìm giá trị một số phần trăm của một số. - Tìm một số khi biết giá trị một số phần trăm của số đó. - HS làm bài: 1b; 2b; 3a. * <i>Cách tiến hành:</i>	
Bài 1b: Cá nhân=> Cả lớp - GV yêu cầu HS đọc đề bài toán. - GV yêu cầu HS làm bài.	- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK. - HS cả lớp làm bài vào vở, chia sẻ kết quả <i>Bài giải</i> b) Tỉ số phần trăm số sản phẩm của anh Ba và số sản phẩm của tổ là: $126 : 1200 = 0,105$

Bài 2b: Cặp đôi - GV yêu cầu HS đọc đề bài toán. - Muốn tìm 30% của 97 ta làm như thế nào ? - GV yêu cầu HS làm bài cặp đôi - GV nhận xét HS. Bài 3a: Nhóm - GV gọi HS đọc đề bài toán. - Hãy nêu cách tìm một số biết 30% của nó là 72. - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm 4 - GV nhận xét, kết luận Bài 1a(M3,4): HĐ Cá nhân - Nêu cách tính tỉ số phần trăm của hai số 37 và 42. Bài 2a(M3,4): HĐ cá nhân - Cho HS tự làm bài vào vở Bài 3b(M3,4): HĐ cá nhân - Cho HS tự làm bài vào vở	$0,105 = 10,5\%$ Đáp số : a) 88,9% b) 10,5% - 1 HS đọc đề bài toán trước lớp. - Muốn tìm 30% của 97 ta lấy 97 nhân với 30 rồi chia cho 100. - HS lên bảng chia sẻ, HS cả lớp làm bài vào vở <i>Bài giải</i> b) Số tiền lãi của cửa hàng là: $6000\ 000 \times 15 : 100 = 900\ 000$ (đồng) Đáp số : a) 29,1 b) 900 000 đồng - 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK. - Lấy 72 nhân với 100 và chia cho 30. - Đại diện nhóm lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở. $72 : 30 \times 100 = 240$ - Tính thương của $37 : 42$ sau đó nhân thương với 100 và viết ký hiệu % vào bên phải số đó. $37 : 42 = 0,8809... = 88,09\%$ - HS làm bài vào vở, báo cáo giáo viên $97 \times 30 : 100 = 29,1$ Hoặc $97 : 100 \times 30 = 29,1$ - HS làm bài vào vở, báo cáo giáo viên <i>Bài giải</i> Số gạo cửa hàng trước khi bán là: $420 \times 100 : 10,5 = 4000(kg)$ $4000kg = 4$ tấn Đáp số: 4 tấn
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng làm bài sau: <i>Tìm tỉ số phần trăm của 54 và 78.</i>	- HS nêu: $54 : 78 = 0,6923$ $0,6923 = 69,23\%$
- Tính tỉ số phần trăm giữa số học sinh nam và số học sinh nữ của lớp em.	- HS nêu và thực hiện.

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

Sinh hoạt lớp
Luyện từ và câu
TIẾT 32: TỔNG KẾT VỐN TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết kiểm tra vốn từ của mình theo các nhóm từ đồng nghĩa đã cho (BT1).
- Đặt được câu theo yêu cầu của BT2, BT3.
- Rèn kĩ năng tìm từ đồng nghĩa.

2. Năng lực:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa, bài giảng điện tử, máy tính có kết nối internet

- **Học sinh:** Sách giáo khoa, vở ghi, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động GV	Hoạt động HS
1. Hoạt động mở đầu:(5phút)	
- Cho 4 HS lên bảng thi đặt câu với 1 từ đồng nghĩa, 1 từ trái nghĩa với mỗi từ: <i>nhân hậu, trung thực, dũng cảm, cần cù</i> . - Gọi HS dưới lớp đọc các từ trên - Nhận xét đánh giá. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS đặt câu - HS đọc - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành:(30 phút) <i>* Mục tiêu:</i> - Biết kiểm tra vốn từ của mình theo các nhóm từ đồng nghĩa đã cho (BT1). - Đặt được câu theo yêu cầu của BT2, BT3. <i>* Cách tiến hành:</i>	
Bài tập 1: Cả lớp - Gọi HS đọc yêu cầu bài 1a - Bài yêu cầu làm gì? - Các tiếng ở phần a là những từ chỉ gì? - Thế nào là từ đồng nghĩa - Yêu cầu HS làm bài - GV nhận xét chữa bài - Vì sao lại xếp như vậy? - Những từ trong mỗi nhóm là những từ đồng nghĩa hoàn toàn hay không hoàn toàn? - Bài 1b cho HS làm bảng con	- Cả lớp theo dõi - HS nêu - Chỉ màu sắc - HS nêu - HS làm bài <i>Đáp án:</i> 1a) đỏ- điều- son; trắng- bạch xanh- biếc- lục; hồng- đào 1b) Bảng màu đen gọi là bảng đen.

- GV nhận xét về khả năng sử dụng từ, tìm từ của HS - GV kết luận lời giải đúng. Bài 2 : Cá nhân=> Cả lớp - Gọi HS đọc bài văn + Trong miêu tả người ta hay so sánh Em hãy đọc ví dụ về nhận định này trong đoạn văn. + So sánh thường kèm theo nhân hoá, người ta có thể so sánh nhân hoá để tả bên ngoài, để tả tâm trạng - Em hãy lấy VD về nhận định này. + Trong quan sát để miêu tả, người ta phải tìm ra cái mới, cái riêng, không có cái mới, cái riêng thì không có văn học.....lấy VD về nhận định này? Bài 3: Nhóm - Gọi HS đọc yêu cầu - HS làm bài theo nhóm - Gọi 2 HS trình bày - Lớp nhận xét	Mắt màu đen gọi là mắt huyền. Ngựa màu đen gọi là ngựa ô. Mèo màu đen gọi là mèo mun. Chó màu đen gọi là chó mực. Quần màu đen gọi là quần thâm. - HS đọc bài văn -VD: Trông anh ta như một con gấu. - VD: Con gà trống bước đi như một ông tướng. - VD: Huy-gô thấy bầu trời đầy sao giống như cánh đồng lúa chín, ở đó người gặt đã bỏ quên lại một cái liềm con là vành trăng non. - HS đọc yêu cầu - Các nhóm tự thảo luận và làm bài, chia sẻ kết quả - VD: - <i>Dòng sông Hồng như một dải lụa đào vắt ngang thành phố.</i> - <i>Bé Nga có đôi mắt tròn xoe, đen láy đến là đáng yêu.</i> - <i>Nó lê từng bước chậm chạp như một kẻ mất hồn.</i>
3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)	
- Nhận xét tiết học - Yêu cầu ôn tập lại từ đơn, từ phức, từ đồng nghĩa, đồng âm, nhiều nghĩa	- HS nghe
- Viết một đoạn văn trong đó có sử dụng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa để tả về hình dáng của một bạn trong lớp.	- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh sau tiết dạy:.....

.....

.....